

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Quang

Ông Phạm Văn Thọ

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 31/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2024/QĐ-ST ngày 09/7/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1988; nơi cư trú: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; hiện đang cư trú tại: S, thành phố T, tỉnh T, Nhật Bản.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Hà Thị Bích H; Địa chỉ: phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hải Q, sinh năm 1984; nơi cư trú: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Đoàn Thị K, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị Hà Thị Bích H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Đoàn Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Hải Q đã được triệu tập hợp lệ thông qua thân nhân nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 24-10-2023 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Hải Q tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 03/2011 ngày 06/12/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về chung sống tại địa chỉ: Đội 13, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, phong cách sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Anh Q thường xuyên ham chơi, rượu chè, không cùng chị chia sẻ, gánh vác công việc và chăm lo cho gia đình. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi khiến cuộc sống hôn nhân hết sức nặng nề. Tháng 07/2019, chị N sang Nhật Bản lao động. Kể từ khi sống ly thân, Anh Q không hề quan tâm, hỏi thăm chị và con chung. Vì nghĩ đến thương con, nhiều lần chị N đã cố gắng nói chuyện hoà giải, hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Chị N xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Hải Q.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 01 con chung là: Cháu Nguyễn Thủy T, sinh ngày: 08/09/2012. Cháu T hiện đang sinh sống cùng với bà ngoại tại địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Khi ly hôn, chị N yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung như sau: Giao cháu Nguyễn Thủy T cho chị trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hải Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo đúng quy định của pháp luật. Hiện nay, do chị N đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản nên để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của Cháu T, chị đồng ý để bà ngoại cháu là bà Đoàn Thị K (Sinh ngày: 04/08/1968; CCCD số: 036168004342 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/03/2023; Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định) tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi chị N về nước. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Anh Q thực hiện nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, quan hệ vay tài sản nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Hiện nay chị N đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định cho phép chị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc ly hôn. Chị N xin bảo lưu toàn bộ quan điểm trước, sau khi thụ lý vụ án. Lệ phí giải quyết việc dân sự chị tự nguyện nộp toàn bộ. Ngoài ra, chị N xin ủy quyền lại cho chị Hà Thị Bích H (Địa chỉ liên hệ: phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội) thay mặt chị thực hiện nộp hồ sơ ly hôn; tiếp nhận các văn bản tố tụng; nộp và nhận lại án phí, lệ phí nhà nước tại Tòa án và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

* Quá trình giải quyết vụ án, ngày 04/4/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Bình, đại diện trường THCS N, huyện N, tỉnh Nam Định tiến hành làm việc với bố đẻ của chị Đỗ Thị N là ông Đỗ Văn D; anh trai của anh Nguyễn Hải Q là anh Nguyễn Hải Q; con ruột của chị N và Anh Q là cháu Nguyễn Thủy T. Tại buổi làm việc các đương sự trình bày như sau:

Anh Nguyễn Hải Q là anh trai của anh Nguyễn Hải Q. Anh Q vẫn đang đăng ký hộ khẩu tại thôn Q, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định nhưng hiện nay đang đi làm biển quảng cáo tại Hà Nội. Anh Quang và Anh Q vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua mạng xã hội là Zalo nên anh nhất trí nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án cho Anh Q và cam đoan có trách nhiệm thông báo nội dung các văn bản nhận thay, anh có trách nhiệm chụp lại và gửi cho Anh Q qua zalo để Anh Q được biết, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh Quang đã nhận thay Anh Q thông báo về việc thụ lý vụ án dân sự số 58/2023/TB-TLVA ngày 27/11/2023 và giấy báo làm việc của Tòa án. Vợ chồng anh đều đã thông báo lại nội dung các văn bản nói trên cho Anh Q được biết. Anh Q đã được biết các nội dung khởi kiện của chị Đỗ Thị N về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung. Anh Q có nói với anh Quang là cứ để Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, anh Quang không trình bày thêm về vấn đề gì khác.

Ông Đỗ Văn D là bố đẻ của chị Đỗ Thị N trình bày: Ông và bà Đoàn Thị K là bố mẹ đẻ của chị Đỗ Thị N. Chị Đỗ Thị N và chồng là Nguyễn Hải Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Thủy T, sinh ngày 08/9/2012. Hiện nay Cháu T đang sinh sống cùng vợ chồng ông bà từ bé đến nay. Nay chị N đang làm đơn ly hôn với Anh Q, nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định. Trong đơn khởi kiện, chị N thể hiện quan điểm đề nghị Tòa án xem xét giao Cháu T cho chị N nuôi dưỡng và ủy quyền cho vợ chồng ông Đỗ Văn D và bà Đoàn Thị K nuôi dưỡng Cháu T trong thời gian chị N chưa về nước. Vợ chồng ông nhất trí nhận sự ủy quyền nói trên của chị N và cam đoan sẽ có trách nhiệm bảo đảm quyền lợi ích chính đáng cho Cháu T theo quy định của pháp luật và không yêu cầu Anh Q phải thanh toán bất cứ chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng Cháu T.

Cháu T trình bày: Cháu có bố tên là Nguyễn Hải Q, sinh năm 1984 và mẹ là Đỗ Thị N sinh, năm 1988. Cháu được biết, Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa bố mẹ cháu. Khi bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ cháu. Trong thời gian mẹ cháu chưa về nước, cháu nhất trí ở với ông bà ngoại là ông Đỗ Văn D và bà Đoàn Thị K vì bà và mẹ đã chăm sóc nuôi dưỡng và bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho cháu. Những mong muốn của cháu là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

Tại phiên tòa: Chị Hà Thị Bích H là người đại diện theo ủy quyền của chị Đỗ Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày trong đơn vẫn giữ nguyên quan điểm: Đề nghị Tòa án xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Hải Q; Về con chung: Đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Nguyễn Thủy T cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng và anh không yêu cầu Anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản, công nợ và các vấn đề khác liên quan: Chị N không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định có quan điểm:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là chị Đỗ Thị N đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật; trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, chị Hồng là đại diện theo ủy quyền của chị N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Hải Q đã biết về việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo yêu cầu của chị Đỗ Thị N thông qua là anh trai anh là anh Nguyễn Hải Q nhưng không có lời khai gửi về Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N, bà K, Anh Q là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị N; về con chung: Giao cháu Nguyễn Thủy T cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Hải Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí sơ thẩm: Chị Đỗ Thị N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Đỗ Thị N có đăng ký thường trú tại thôn đội 13, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định nhưng qua việc trình bày tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ nộp kèm đơn khởi kiện và lời khai của ông Đỗ Văn D thì tại thời điểm thụ lý đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị N thì chị N đang ở nước ngoài nên căn cứ Điều 37, Điều 39, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Quá trình làm việc với Tòa án, anh trai anh Nguyễn Hải Q là anh Nguyễn Hải Q có lời trình bày thể hiện Anh Q vẫn đang đăng ký hộ khẩu tại thôn Q, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định nhưng hiện nay đang đi làm biển quảng cáo tại Hà

Nội. Anh Quang và Anh Q vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua mạng xã hội là Zalo nên ông nhất trí nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án cho Anh Q và cam đoan có trách nhiệm thông báo nội dung các văn bản nhận thay, ông có trách nhiệm chụp lại và gửi cho Anh Q qua zalo để Anh Q được biết, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh Quang đã nhận thay Anh Q thông báo về việc thụ lý vụ án dân sự số 58/2023/TB-TLVA ngày 27/11/2023 và giấy báo làm việc của Tòa án. Vợ chồng anh đều đã thông báo lại nội dung các văn bản nói trên cho Anh Q được biết. Anh Q đã được biết các nội dung khởi kiện của chị Đỗ Thị N về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung. Anh Q có nói với anh Quang là cứ để Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Hải Q đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ, đã biết được rõ về nội dung vụ án nên căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Anh Q.

Chị Hà Thị Bích H là đại diện theo ủy quyền của chị Đỗ Thị N đã có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ, nên căn cứ theo điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Hồng.

Bà Đoàn Thị K là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ, nên căn cứ theo điểm d khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà K.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hải Q và chị Đỗ Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về chung sống tại địa chỉ: Đội 13, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, phong cách sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Anh Q thường xuyên ham chơi, rượu chè, không cùng chị chia sẻ, gánh vác công việc và chăm lo cho gia đình. Trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Tháng 07/2019, chị N sang Nhật Bản lao động. Kể từ khi sống ly thân, Anh Q không hề quan tâm, hỏi thăm chị và con chung. Vì nghĩ đến thương con, nhiều lần chị N đã cố gắng nói chuyện hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng của anh chị đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với Anh Q là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và Anh Q có 01 con chung là Nguyễn Thủy T, sinh ngày 08/9/2012. Mặc dù biết chị Đỗ Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp việc nuôi con chung nhưng anh Nguyễn Hải Q không có lời khai thể hiện quan điểm đối với việc tranh chấp nuôi con. Xét nguyện vọng của

cháu Nguyễn Thủy T muốn được ở với mẹ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị N về việc giao cho con chung là Nguyễn Thủy T cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, trong khoảng thời gian chị chưa về nước thì Cháu T được trực tiếp ông bà ngoại nuôi dưỡng; Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với các quy định của pháp luật. Sau này, nếu Anh Q có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung mà không thỏa thuận được với chị N thì Anh Q có quyền khởi kiện bằng vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Đỗ Thị N không đề nghị nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 208, khoản 4 Điều 147, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Hải Q.

2. Giao con chung là Nguyễn Thủy T, sinh ngày 08/9/2012 cho chị Đỗ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành và tự lập được; Cháu Nguyễn Thủy T tiếp tục ở với ông Đỗ Văn D và bà Đoàn Thị K (là ông bà ngoại) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị N về nước; Anh Nguyễn Hải Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Hải Q có quyền thăm nom con, không ai được cản trở nhưng và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của chị Đỗ Thị N.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Đỗ Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai số 0005671 ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định, chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Đỗ Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Hải Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã Nghĩa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Anh Tuấn